

THIÊN GIAI THÍCH NI CHUNG.

Trong đề, hai chữ trên thâu chung ba ngôi. Biệt hạnh như trước giải thích. Trong chú giải, dịch tên gồm nói rằng: “A-ma-ni”, Hán dịch là mẫu Nữ, tức tên Phật gọi DI mẫu, nên nói là Trọng Ni.

Trong bày ý, khoa đầu ba câu trên nêu rộng nữ lưu, tình chấp trước hành tướng càng tăng. Chữ đồng trở xuống là bày đồng khác. Ban đầu chỉ đồng tức các thiên trên. Chữ kim trở xuống là chánh bày thiên này, tức gỡ ra là giáo có chỗ y cứ. Bất phù man là hạnh không mê muội.

Khoa kế, ban đầu gạn để y cứ loại, tuy nhiên y cứ ngôi vị thì loạn, kế là giải thích. Nói không tiện là nam nữ phối nhau hợp cơ nghi.

Đại ni trong thọ giới, văn đầu nói mười hai tuổi hạ là địa vị thầy, tăng thì mười tuổi. Nghiệp Sở chép: “Sở dĩ thêm hai năm là nói chí kia kém yếu, nhiều năm là đức”. Lại người nữ phần nhiều ưa nuôi chúng, do bốn tập. Mỗi năm đều độ người không thể dạy dỗ nên có nhiều trái phạm, chế xin pháp khiến chúng xét lường, không xin cho thọ cụ túc phạm tội đoạ, thọ người y chỉ, độ hai chúng khác đều chế xin pháp, không xin tội đột-cát-la. Tỳ-kheo chung tội Đột-cát-la là chế xin đồng với Ni chỉ trừ Thức-xoa trái phạm đồng nhất mà không sai khác. Chữ kỳ trở xuống là chỉ pháp xin, văn thấy ở Tuỳ Cơ Yết-ma và Ni Sao. Chữ nhược trở xuống là bày chế hạn.

Trong phần nêu thọ giới, phi pháp lạm tướng như sau, chánh thọ bác bỏ xưa. Trong bốn pháp, đầu tiên bày duyên trước. Tám pháp là:

- 1/ Tỉnh Sư
- 2/ Sắp đặt vị trí
- 3/ Sai vị sư có oai nghi
- 4/ Lìa chúng hỏi nạn
- 5/ Đơn bạch gọi vào
- 6/ Đối chúng xin giới
- 7/ Giới sư bạch hoà.
- 8/ Đối chúng hỏi nạn.

Trong văn chỉ bày hai lớp một, bốn. Văn luật có lời tỉnh rằng “Xin A-di làm Hoà-thượng cho con” v.v... cho nên ở đây giải thích.

Trong mười ba nạn, nếu y cứ Ni nữ gọi là Phật không tin, vốn không phá tăng nhưng có trợ giúp cũng phải hỏi. Mười sáu là ngăn cha mẹ cho, sau lại hỏi phu chủ (chồng) trước hỏi có chồng hay chưa, nếu nói chưa có thì không cần hỏi nữa. Chữ nãi trở xuống là nói chánh thọ. Chữ dư trở xuống là chỉ cho lược Tuỳ Cơ Yết-ma rất đầy đủ, người cần phải tìm mà đối chiếu.

Trong chánh thọ, duyên đầu cho là trong chánh giáo có nói chế quyết đến trong tăng. Giới Bốn Ni chép: “Nếu Tỳ-kheo-ni trao cho người giới cụ túc rồi (tức bốn pháp) qua đêm mới đến trong tăng cho

thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề. Nghiệp Sở hỏi rằng : “qua đêm có mất bốn pháp không?”

Đáp: không mất pháp, vì bỏ, không do cách ngày, nếu ngay ngày đó không đi, thì sáng hôm sau phải xả cho nên phải thọ lại mới được.

Trong bác bỏ phi có hai: ban đầu bác bỏ Tăng đến chùa Ni. Thấy trò truyền minh phán xét, tín minh thị phi có thể thấy. Kế bác bỏ bên ngoài chùa kiết giới. Luận không quyết định vì không nói thành chăng? Do nghĩa chung đó, Tăng phải mắc tội, Ni lẽ ra đắc giới. Trong phần giải thích nạn, đầu tiên hỏi: “Do chế tác bản pháp rồi mới đến trong Tăng, sở trái giáo này cho nên hỏi để giải quyết?”

Trong lời đáp, Tiểu luận đã cho xen kiết, nghĩa chung các pháp cho nên nói rằng: “Lý là được”

Kế hỏi: Do thọ bốn pháp ba vị không thấu, cho nên song nêu danh thể, hỏi để giải quyết đó.

Trong đáp, đầu tiên đáp thể. Nói duyên giới là chánh thọ phương tiện.

Hỏi: Đã gia pháp yết ma, lý quyết phát thể, đã không phát thể, dụng thọ làm sao? Lại năm giới làm duyên cho mười giới, mười giới làm duyên cho giới cụ túc. Năm giới, mười giới, có tự thể riêng, bốn pháp không có thể, ý ấy thế nào?

Chữ nhi trở xuống là kế đáp danh. Do chưa pháp giới thể là ở địa vị dưới, do thêm bốn pháp đồng với vị trên, do ba chúng không xếp vào đâu.

Thứ hai, trong bác bỏ phi, đầu tiên là dẫn xưa. Chữ nếu trở xuống là bác bỏ nay, đầu tiên dẫn ngay tông. Luật vốn đã là kiên-độ Ni, cho đến văn nói rằng là, tức văn trong tướng. Kế dẫn bộ khác. Luật Tăng-kỳ nói tám thứ thọ giới cụ túc. Tăng thọ gọi là mười chúng, Ni thọ gọi là hai mươi chúng, danh số đã nói có thể nghiệm xưa trái.

Khoa kế, luật Ngũ Phần nói số người, sự, nghi đều nên y theo hạnh. Tiểu Viễn là nếu ở ngoài trời cũng phải tìm trong đó.

Thứ ba, trong bác bỏ phi, đầu tiên là nêu xưa. Chữ Nhiều trở xuống là chánh thức bác bỏ, ban đầu dùng lý phá thẳng. Một pháp nghĩa là ni thọ, bạch tứ bốn chế đồng bình mà một chúng thì không thành. Kiết giới vốn vì nhiếp người, bình pháp Ni đã đồng bình, không giới thì nhóm người không chuẩn, phải khởi không chỗ nương, cho nên nói là “giới phi”... Chữ nhược trở xuống là kế y cứ pháp trái chất.

Khoa kế, tự nhiên nhóm họp, tăng tác pháp giới, Ni vọng cho là tự nhiên. Xướng tướng kiết là một phen nương tăng giới. Trong Ngũ Bách Vấn không đắc tướng lại do dùng pháp. Bốn pháp để ngoài y cứ chẳng phải riêng chúng, chỉ gọi là đồng vị trên, vì ngại lạm nghi, dầu ở trong giới không ngại tăng pháp.

Trong phần ba, đầu tiên nêu bày do tùy bày thọ, biết rõ cần kết. Chữ thử trở xuống là dẫn xưa, ban đầu nêu cội đầu làm lâu. Chữ nhiên trở xuống là dẫn Phạm Tăng ấn khả, đoạt giống như bác bỏ.

Trong phần bốn, đầu tiên nói chỗ ngồi của tăng ni, đều biết trong giới hoặc đến đại giới, hoặc ở giới tràng. Dọn trải hai toà, nghĩa là đồng một hạnh. Tăng trên Ni dưới, hoặc y cứ bày riêng, hoặc ngồi tập hợp cả hai đều được. Ở giữa chỗ trống nghĩa là không liền nhau, khiến tôn ty không lẫn lộn, hoặc tránh sự chê bai. Duỗi tay đến, là y cứ chỗ trống mà nói. Chữ các trở xuống là kể nói sắp đặt chỗ cho ni, sự nghi phần lớn đồng với tăng.

Trong phần năm, đầu tiên nói thỉnh sư, Ni này thọ phép Ni làm Hoà-thượng, trong ni giới thọ và đến trong tăng chỉ cần yết-ma, cho nên thỉnh giới sư riêng. Chữ dĩ trở xuống là kể chỉ các pháp.

Thứ hai, trong thiên sám, đồng khai học hối. Hai thiên chia làm ba: Đầu tiên nêu khác, tăng đủ ba pháp, Ni trừ phú tàng, cho nên nói hoàn toàn không. Tăng chỉ sáu đêm, Ni phải nửa tháng, cho nên nói

rằng sửa tăng chế hạn, xuất tội không riêng cho nên không kể. Chữ dĩ trở xuống là nói lý do hai chúng Nữ yếu mềm nghĩa là không ý chí, tình cảm nhiều cho là dễ phạm. Ban đầu thọ cũng ở trong hai bộ tăng, nên nói rằng thọ tùy đều vậy.

Hỏi: Các tội Ba-la-di, Thân-lan-già sao chỉ có một chúng?

Đáp: Cho nên dĩ có thể biết.

Chữ Đăn trở xuống là bày ý lược, biết phạm mà không sám hối, đây là người ngu không bảm giáo. Dầu sám hối cũng khó nhóm, đây là người trí mà không gặp duyên. Thân-lan trở xuống đều đối bốn chúng cho nên nói là tự kết. Kết nghĩa là gia pháp, tên khác mà pháp đồng không nêu lại nữa.

Thứ ba, trong dẫn duyên, luật Thiện Kiến nói đều đến tức là mới chế. Kế sau hai lần khai đều vì dứt sự chê bai của thế gian, do pháp gồm giúp. Cho nên luật Tứ Phần chép: “Nan-đà dạy ni đến chiều tối, Ni ở lại trong thành Kỳ-hoàn ngủ đêm bị thế tục chê bai (tại Ấn-độ, Tăng ở lan-nhã. Ni ở trong thành, do đến chùa Tăng chiều tối về lại thành, cửa thành đã đóng, do đó ngủ lại trong hào) cho nên biết ban đầu khai ni đến chùa tăng nhưng không bằng luận thứ lớp hiển bày, cho nên nói rằng không văn ý đồng.

Trong phần hai, ban đầu văn chỉ pháp sai, thấy ở Ni Sao. Chữ Tứ Phần trở xuống là kể nói đến chùa thỉnh pháp, ni không đi một mình, phải đi với bạn, chỉ cần miệng sai, chẳng phải chánh người. Người bị dận tức trong Tỳ-kheo nhận dận dò. Chữ đương trở xuống là chọn chỗ dận có ba; Chủ chữ không phải khách, không bệnh phải khoẻ mạnh, có trí không ngu si. Chữ minh trở xuống là dạy biết nhận hỏi.

Khoa kế, đầu tiên nói dự thảo. Chữ bỉ trở xuống là kế chánh nhận dặn dò. Một người làm bạn, là rất ngăn phòng. Lời đáp có ba: đầu tiên là hứa khả. Chữ nhiên trở xuống là xét chỗ muốn kia. Chữ hựu trở xuống là dặn khiến đến hỏi. Tiến bất tức có không.

Trong phần ba, tự vô sự, sự tức là lỗi. Tăng vào chùa Ni, Ni phải lường tăng, cho nên nói rằng cũng vậy.

Trong phần bốn, Tăng hỏi đáp rồi đến câu “có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới không?” Người nhận dặn dò đứng dậy đến trước Thượng tọa bạch rằng “Đại đức tăng xin lắng nghe, Ni chúng chùa kia nửa tháng lễ chân Tăng một lần cầu thỉnh giáo giới cho ni.

Trong phần năm, ban đầu bày nghi chỉ như trước, tức ở ngoài phòng ngồi trên giường cầu bạn v.v... kể dạy dỗ, sau Ni đánh lễ nhận.

Trong phần sáu, văn đầu tiên trước nhóm ni chúng Chữ sự trở xuống là kế truyền giáo giới. Chữ như trở xuống là Ni chúng nhận giáo giới. Lễ xướng là làm lễ xướng ba quy y v.v... Sau chỉ chỗ nêu ra. Luật Tứ Phần thiếu văn.

Trong phần hỏi, do muốn ứng với yết-ma đã không bình kiết thì không được dữ dục, cho nên hỏi giải quyết. Trong phần đáp, ban đầu nói chế nhóm, đồng việc Tăng, chữ cố chuẩn trở xuống là dẫn chứng, pháp giáo thọ chế gồm đại chúng, cho nên nói rằng nghi thông. Chữ nãi trở xuống là chỉ bày sự thấy ở môn kế.

Trong Tạp tướng, Tứ Phần khai lược, trước nói tăng duyên có bốn, tùy một liền khai. Biệt chúng nghĩa là khó nhóm. Không hoà nghĩa là cãi cọ. Sau nói Ni duyên, đồng tăng cũng chấp nhận. Luật Tăng-kỳ dữ tục tức người đến cầu giáo giới. Thập Tụng trải giường, văn trước y theo đây.

Trong phần bốn, đức rộng nghĩa là người giáo thọ phải có đủ mười đức như thiên Tự tứ đã dẫn. Bốn Số nói nên là thấy từ đầu. Luật Số thì nói “Trong tăng làm giáo thọ, trong Ni sai khiến Ni”, đều là chỗ làm, chỉ đủ năm mới thành pháp rộng. Hai mươi tuổi hạ là một trong mười đức.

Thứ tư, khoa đầu ba món an cư tác pháp v.v... đều đồng. Khoa kế, trong chế phạm, Bát kính chế ra nương tăng an cư, không nương phạm đọa, văn xuất xứ từ thiên Ba-dật-đề. Văn kế không chịu thỉnh tăng, không thọ hạ thỉnh cùng bày chế gấp.

Trong phần ba, luật Thiện Kiến ban đầu bày giới hạn, nửa do tuần là hai mươi dặm. Chữ nhất trở xuống là nói nương nhau. Thỉnh pháp nghĩa là đầu hạ rồi đến thăm hỏi cầu dạy bảo. Nói chứng là tự tứ. Chữ nhược trở xuống là nói duyên khai. Ban đầu nói Tỳ-kheo có duyên không đến. Chữ nếu sơ trở xuống là kể rõ Tỳ-kheo kiết rồi lần đi, khai chế rất dễ thấy. Luật Tăng-kỳ nói một Tỳ-kheo là không cần phải đồng,

ba do tuần không kết nghĩa là kiết thành một giới. Giới của Ni vốn chế hai dặm, có nạn đồng tăng, luật ấy chép: “Nếu Tỳ-kheo trong lúc an cư hoặc chết, hoặc bỏ đạo, hoặc đi các nơi” Ni không được đi. Ba do-tuần có tăng-già-lam nên kiết giới chung, nửa tháng nên đến hỏi Bó-tát kh-iến đến đi không chướng, không phá an cư.

Trong phần năm, hành sự có ba, ban đầu nói sai người. Chử vãng trở xuống là nói bày thỉnh, Ni tự thẳng đến trong tăng thỉnh, cách ngày đến hỏi. Chú văn dạy dỗ của trung, hạ, thượng toà trong tăng, chỉ cho thiên trước không phiền dẫn nữa. Chử bở trở xuống là khiến ni truyền giáo. Khoá kế, ban đầu nói ngày khác, đây chế nương nhau, theo tăng thỉnh nói khiến trở về tự tứ, lý phải cách ngày, hẳn là chỗ gần đồng ngày không ngại. Chử nhược trở xuống là kế nói khai lược cũng đồng thuyết giới. Luật Thập Tụng nói chọn khiến Ni dẹp trừ qua lại, trừ rồi nghĩa là nhanh nhẹn, tài năng giúp chọn trị chậm, biết pháp lựa người ngu muội.

Trong phần ba, thọ nói an cư tự tứ đều chế nương tăng, cho nên hỏi chung, gồm bày y giáo. Trong phần đáp, kinh nói nữ tánh, vả lại bày năm tướng. Hoặc sắc là đả trước nhan sắc, ích thọ là muốn sống lâu. Chứa đệ tử tức ưa nhiều quyến thuộc. Không học hỏi là biếng nhác. Biết chút việc nghĩa là thấy biết cạn. Phú tánh đã vậy tự không chi tiết, nghĩa quyết theo thầy, ý dạy rất dễ thấy. Ở đây y cứ đại ước, chưa hẳn đều như vậy.

Trong phần sau, môn này lẽ ra nên giải thích rộng giới của Ni. Chỉ là cùng Tăng đồng giải thích tướng đủ phần, còn bao nhiêu vi tế đầy đủ Ni Sao.

Trong tám giới trọng, văn đầu tiên là bốn giới trước tức dâm, trộm, giết, vọng, duyên phạm tướng phạm tất cả đồng với tăng nên không nêu lại. Trong phần khác giới Ni ít nghe, sợ người không hiểu nên nêu đủ gốc duyên, đối chiếu văn tướng. Năm là giới xúc chạm (Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một Trưởng giả cùng ni Thâu-la-nan-đà buộc ý với nhau, Trưởng giả thiết lập trai tăng, các Ni đều đến, chỉ Thâu-la-nan-đà không đến. Trưởng giả đến chùa, rờ rẫm ni này. Có Sa-di-ni nhỏ giữ phòng thấy bạch đại Ni, đại Ni bạch Phật, cho nên chế) Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô cùng người nam có tâm nhiễm ô, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên (lựa các cảnh khinh phạm khinh) thân tướng chạm hoặc nắm xoa (Xoa thân trước sau) hoặc kéo lôi. (kéo đến trước) hoặc xô đẩy (đẩy ra sau) hoặc rờ trên (từ dưới lên trên) hoặc rờ dưới (từ trên xuống dưới) hoặc nâng (ôm lên) hoặc để xuống (ôm xuống) hoặc nắm (nắm trước sau và vú) hoặc đè (đồng trước trở lên mười tướng) Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được ở chung.

Trong phần bày duyên, thứ tư, y cứ thân nam nữ chia cảnh ra kh-

inh trọng, đều xen bốn câu, đều khinh mắc tội thâu-lan-già, cho nên nói rằng phạm tội khinh, ba nói kia đều tội nặng, nghiệp lý nên khác.

Trong phần năm kết phạm, vì cả hai đều không có áo. Một người có một người không, đều tội thâu-lan-già, đều có áo cùng tội Đột-cát-la, nhiễm tình lẫn nhẹ giáo cũng theo đó giảm nhẹ dần.

Trong phạm, khoa đầu tăng ni bốn món khác và tăng chung, Ni cuộc hạn. Một, chết sống khác Tăng chung bốn cảnh là biết, không biết,

mới chết hoại một ít. Dẫn luật làm chứng, tức trước giới bốn đã nêu tâm đơ, nói cần cảnh sống. Hai là lớn nhỏ khác. Ba là thân phần khác. Bốn là tâm cảnh khác. Sau dẫn luật Tăng-kỳ, Thiệ Kiến riêng chứng thứ ba, tùy chỗ mắc tội, ở đây y cứ Ni phạm. Chia cảnh trọng khinh, hoặc luận Tỳ-kheo một bề thành trọng.

Trong không phạm, ban đầu chỉ bốn tông, luật chép rằng “Nếu có lấy cho và giải cứu v.v... xúc chạm, tất cả không có tâm dục thì không phạm” kể dẫn bộ khác, ban đầu là tưởng sai. Chữ nếu trở xuống là nạn gặp. Tất cả không đấm trước nói ý khai ở trên. Thấy đều Đột-cát-la chế nghi trái. Thứ sáu, thứ tám, sự thành giới trọng (Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả cùng Ni Thâu-la-nan-đà buộc tâm, cho Trưởng giả nắm tay, Ni bạch Phật, nhân đó chế) Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô, biết người nam tâm nhiễm ô, chịu cho nắm tay (một tay đến cổ tay) nắm áo (hai thân trên y) vào chỗ vắng (thứ ba) cùng đứng (thứ tư) cùng nói (thứ năm) cùng đi (sáu, bốn món trước đều lấy lia bạn và chỗ thấy nghe) thân dựa nhau (bảy, thân được tương và chỗ) cùng hẹn hò (tám, được cùng đến chỗ dâm) Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được ở chung. Duyên riêng thứ tư, giới này phải đầy đủ tám việc mới phạm, sáu hồi thì không thành phạm.

Trong giải thích tám việc, văn đầu tiên đối giới bốn trước rất dễ hiểu. Lựa chọn có ba: một là nam nghĩa là người đồng khác, một ;à thời tám năm là nói thời xa gần. Không thứ lớp là phạm chung trước sau.

Trong không phạm, đầu tiên là khai chỗ vắng. Chữ hạ trở xuống là lựa giới sau, tức giới tám mươi sáu trong đơn đề. Luật nhân nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị cùng người nam vào nhà tối cho nên chế: “Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam đồng vào nhà tối phạm Ba-dật-đề”. Kia từ lỗi chê bai chứ không y cứ tâm nhiễm ô.

Bảy, là giới che giấu tội nặng cho người (Phật ngự tại nước Xá-vệ, con của Ni Thâu-la-nan-đà tên là ĐỀ-xá-thâu-la. Nan-đà biết con phạm Ba-la-di, sợ bị tiếng xấu bèn im lặng không nói. Sau, ĐỀ-xá thối tu mới nói, Tỳ kheo bạch Phật, do đó chế, ĐỀ âm trì) Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác (quyết nói kia phạm) phạm Ba-la-di không tự phát lộ, không nói với mọi người (một, hai, hay ba người) không thưa đại chúng (bốn người hoặc hơn) vào lúc khác Tỳ-kheo-ni kia hoặc chết,

hoặc trong chúng cử tội (bị Tăng tấn cử) hoặc thôi tu, hoặc theo chúng ngoại đạo, sau mới nói rằng “Tôi trước biết có tội như vậy” (trong tám tội Ba-la-di phạm bất cứ giới nào) Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được ở chung.

Trong duyên phạm, che giấu tội nặng mới phạm, còn các tội khác phạm Thân-lan-già, che giấu tội cho Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, che giấu tội chúng sinh Đột-cát-la.

Trong phạm, khoa đầu trước dẫn văn chỉ bày. Trong sám tội tức quyển trung, thiên sám, nói mười món duyên đều không thành che giấu. Luật Thập Tụng nói bị cử là pháp ngăn. Cuồng loạn tức tâm phi. Luật Tăng-kỳ thi có nạn duyên khai không thành che giấu. Xả tâm tương ứng nghĩa là xả bỏ, tâm không nói. Chử chuẩn trở xuống là kế do nghĩa mà nói. Đầu tiên bày hợp khai, vô ký nghĩa là ngũ mê, quên sót, v.v... Sau nói thành phạm cần không có tâm thiện.

Khoa kế, lựa người sở đối có bốn món khác nhau. Chẳng phải thanh tịnh, ban đầu nói có phạm mà không sám hối. Người trước biết mà không chịu là kế nói che giấu không nói. Thứ hai đều có lỗi vì kia đây đều thành che giấu. Trước phạm sám hối có chí thành làm dụ, là biết tên người. Ba là phân biệt như thật không vọng, đây là chung năng sở. Nhược bỉ trở xuống là nói một thuyết. Nhược bỉ trở xuống là nói chẳng che giấu. Luật Thập Tụng không được Tỳ-kheo. Bốn là lựa chúng khác. Tăng Ni ngôi vị khác nhau, không được đối thú, chỉ cho không biết thưa hỏi tương phạm.

Trong phần ba, cho đến bữa ăn sau biết, đầu hôm nói, đầu hôm biết, nửa đêm nói v.v... đều như giải thích tương mà hiểu.

Trong không phạm có bốn: Ban đầu là vô tâm, ba món sau đều chẳng phải ý.

Tám là thuận theo Tỳ-kheo bị cử. Giới Tỳ-kheo đại lược đồng trong Tăng cho nên ở đây không nêu ra. Tăng phạm ngay ba dật-đề, Ni phải ba lần can ngăn không bỏ mới kết tội nặng Ba-la-di. Tám tội nặng ở trên, bốn món trước là căn bản, bốn món sau nhánh nhóc của nữ tình. Thiên trọng cho nên phải đặc biệt chế, tức phần hạn giới khác nhau.

Mười bảy giới thiên tăng tàn, môi giới, chê bai và can ngăn phần lớn là đồng, lược bày hai điều còn bao nhiêu không nêu ra. Giới thứ tư nói người. (Phật ngự tại nước Xá-vệ, ở lan-nhã có cư sĩ làm tinh xá cho Tỳ-kheo-ni, sau Tỳ-kheo-ni bỏ đi, con cư sĩ liền cày đất chỗ tinh xá, các ni đến quan kiện, khiến quan phạt người kia, do đây Phật chế) Nếu Tỳ-kheo-ni đến quan thưa kiện cư sĩ hoặc con cư sĩ, hoặc tội tử, hoặc người làm vườn (trên đều nói người) hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc một niệm, hoặc khoảng búng ngón tay, hoặc trong giây lát, Tỳ-kheo-ni này phạm Sơ pháp ứng xả Tăng-già-bà-thi-sa (mới làm liền kết tội khác với giới

Trong duyên, hai duyên đầu đều cuộc hạn người thế tục, kẻ đạo thì chẳng phạm nặng.

Trong tướng phạm, luật Tứ Phần ban đầu bày chỗ đến quan và đến người đoán sự, nghĩa là trưởng làng, trưởng ấp, kế lược nói tướng, luật Thiện Kiến đầu tiên nói xen nhau, phương tiện đạt đến kết quả thành phạm, phần chứng chỉ lấy lời kia không luận là được lý. Cư sĩ nói Ni thì không phạm rất dễ hiểu. Chứ nếu Ni trở xuống là thứ hai nói đoạt vật. Phạm tội là tuý thành trộm tổn. Nên thường là vật của thế tục. Luật Ngũ phần cho câu viện, Thập Tụng đầu tiên chế quả mắng, kế chọn chỗ đến. Người khác nghĩa là chẳng phải quan và người xử đoán việc.

Thứ bảy, giới bốn việc đi một mình. (Phật ngự tại nước Xá-vệ, có vị Ni vén áo lộ nước bị giặc chọc ghẹo, người đời chê bai cho nên Phật chế. Lại có vị ni có nhiều đệ tử bỏ chúng đi vào thôn. Ở trong thôn ngủ lại đêm, người đời chê bai là muốn trai. Lại lục quần Ni và Ni chúng đi ở chỗ hoang vắng ở Câu-tát-la mà thường lại đi sau, có người hỏi đáp là “muốn trai”. Phật quả trách rồi do đó chế giới. Bốn giới hợp chế hễ trái một thành phạm). Nếu Tỳ-kheo-ni một mình lộ qua nước, vào xóm một mình ngủ lại (hễ hông chấm đất) riêng đi sau (lia bạn, lia chỗ thấy nghe) phạm Sơ pháp ứng xử Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong một mình lộ qua sông, ban đầu duyên lại có hai: Ban đầu định hưởng phạm. Giới đi đường là vì Ni chế. Biên phương là chỗ có nghi ngờ, có sợ hãi mà ở nhân gian dạo đi, đều phạm tội ba-dật-đề. Kia nói hành tướng, chung trong ngoài giới có thể quyết nay phạm. Kế nói khai duyên: có câu đi qua, không lộ nước, đi thuyền qua cũng như vậy, như kế đã nói.

Thứ hai, duyên đầu tiên bày tướng phạm, phương tiện xuống nước lên bờ đến quả, văn y cứ hai Ni để nói nặng nhẹ. Chứ luật trở xuống là kế dạy chánh nghĩa. Thứ ba, thứ tư rất dễ biết.

Trong riêng vào thôn, văn đầu luật Tứ Phần nói về giới hạn của thôn, chỗ hoang vắng. Chú giải bày tội Đột-cát-la, phường tức là thôn, nghĩa là nhà người trong thôn. Luật Tăng-kỳ nói giới hạn lia bạn. Thứ ba không duyên cũng gọi là nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Khoa kế, y cứ vốn thành phạm, phải y cứ cửa thôn xưa giải vượt giới, chính là y cứ trong thôn đi ngang thành tội tăng tàn, không chỉ thái quá lại cũng mê văn. Sau dẫn luật chứng minh y cứ của thôn, đủ biết giải thích sai, ra khỏi thôn cũng phạm, liền biết ra vào đều gọi là vượt giới.

Trong phần ngủ đêm một mình, duyên đầu tiên câu trước nói phần

giới hạn phạm, câu kế chỉ bày chỗ phạm, bất luận tăng tục vì chung tất cả. Hai chỗ trở xuống là nói trì. Chữ nhược trở xuống là chỉ bày khai. Chữ cố trở xuống là chứng phạm. Luật Tăng-kỳ nói tướng kiểm pháp, luật Ngũ Phần chỉ bày tướng phạm.

Trong phần đi một mình, đồng ba duyên trên, ban đầu đến chỗ đi tức duyên thứ nhất, căn bản là lúc giở chân. Chữ hựu trở xuống là duyên thứ hai. Tứ Phần trở xuống là duyên thứ ba.

Không phạm có bốn tiết: đầu tiên trong phần đi qua một mình là nói cùng bạn thì chẳng phải duyên phạm. Đi thuyền v.v... là không dính nước. Bận chết v.v... là chẳng phải bốn ý, luật Ngũ Phần nước cạn không gặp sự chọc gheo.

Kế trong phần vào xóm, chỉ như trước tức thứ ba là không duyên.

Thứ ba, trong phần ngủ một mình, đầu tiên y cứ giữ giới nói không phạm. Chữ nếu trở xuống là mình có nạn.

Trong phần đi một mình, bạn duyên, nạn mình đều đồng như trên, khai luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần và y cứ duyên khai, có thể hiểu tình cờ gặp gỡ không hẹn nhau. Đơn Đề một trăm hai mươi đồng với tăng, như trước giải thích tường, khác là chỉ nêu ra một hiện hành thường phạm, còn bao nhiêu tìm trong Ni Sao tự sẽ rõ.

- Giới thứ 140: Tự tay xe sợi.

(Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo ni sáu vị tự tay xe sợi, cư sĩ chê cười “giống như vợ ta không khác”, Tỳ-kheo-ni bạch lên Phật, Phật do đó chế giới).

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay xe sợi phạm tội Ba-dật-đề. Phách nghĩa là chỉ ra, dẫn là lôi kéo, là cuốn lại, chức (dệt) thì rất dễ hiểu. Bốn việc hễ làm một việc đều phạm tội đọa.

Sợ cho là sám hối rồi được đắp, nên chế không cho, hễ đắp phạm Đột-cát-la.

Ni giới ngày nay lấy sự dệt vải thêu thùa làm sự nghiệp, bỏ thân vào đạo vốn mưu cầu việc gì, xuất gia như vậy chi bằng ở thế tục cho rồi. Tránh chết chìm lại nhảy vào lửa chính là người này.

Trong phần kết, trên dưới tức trước sau của giới bốn. Trong môn thứ bảy, ban đầu dạy nhiếp chúng hơn hai mươi giới là: 1 – Độ phụ nữ có thai. 2 – Độ phụ nữ con còn bú. 3 – Độ người chưa đủ tuổi. 4 – Không cho hai năm học giới. 5 – Không cho sáu pháp. 6 – Cho học pháp đủ. 7 – Độ phụ nữ tăng giá nhỏ tuổi, chưa đủ mười hai năm cho thọ cụ túc giới. 8 – Phụ nữ trẻ tuổi học giới xong, không bạch chúng cho thọ cụ túc giới (trên đều chế cho Hòa-thượng). 9 – Biết mà cứ độ (đây là chế cho

người làm pháp sư).

10 – Không dạy học giới.

11 – Không hai năm theo Hòa-thượng (ở đây là chế cho đệ tử).

12 – Tặng không cho mà trao giới cụ túc.

13 – Chừa đủ mười hai tuổi hạ mà làm Hòa-thượng.

14 – Đủ mười hai tuổi hạ, tặng không cho mà trao cho người giới cụ túc.

15 – Tặng không cho, bèn phỉ báng tặng có ái, v.v...

16 - Cha, mẹ chồng, không cho phép mà truyền giới cụ túc.

17 – Biết là người nữ phi pháp mà độ xuất gia.

18 – Khiến bỏ học pháp cho thọ giới cụ túc.

19 – Theo Thức-xoa xin y nói sẽ cho thọ giới cụ túc.

20 – Không đủ một năm trao giới cụ túc.

21 – Thọ bốn pháp rồi cách đêm mới đến trong tăng.

22 – Không bệnh mà không cầu Giáo thọ.

(Tất cả hai mươi hai giới trên đều phạm đơn đề)

Phàm nhiếp đệ tử không ngoài hai điều:

1 – Sự nhiếp, tức y thực. 2 – Nghĩa nhiếp, tức dạy pháp y thực có thể thiếu, pháp thì không thể thiếu. Ngũ Phần, nói sáu năm tự nhiếp Hòa-thượng thân giáo. Tỳ-kheo năm hạ chia khác nhau. Nếu dạy người nhiếp là giao cho người khác.

Tăng-kỳ nói, kế nói thọ giới cụ túc phải cầu hơn phân nửa đồng ý. Y cứ bốn Tăng Ni đều phải mười vị, y cứ nơi biên địa mới khai cho, chỉ có năm người, quá bán là tội đến mười người.

Trong chú giải do phạm tăng tàn trở xuống đều đủ môn sự sinh thiện, cho nên chỉ chọn phạm trọng, sợ kia cầu giúp pháp sự khó thành, nhưng chỉ chọn người bình pháp, còn người khác chỉ không phạm tội trọng là được, không cần đầy đủ tốt đẹp, nên nói là khả khả. Đây y cứ không người, có thì phải chọn. Chữ Tứ Phần trở xuống là thứ ba chế nương thầy. Bốn luật không hạn cuộc số năm cho nên dẫn luật Ngũ Phần quyết đó còn bao nhiêu như sau lược chỉ.

Trong yếu hạnh, khoa đầu luật Thiện Kiến nói về bốn duyên, Như lai thành đạo mười bốn năm, Di mẫu cầu xuất gia, Phật không cho, vì để chánh pháp được tồn tại ngàn năm, nếu độ người nữ thì giảm một nửa, vì thế không cho. A-nan ba lần xin, Phật dạy truyền tám pháp kính trong cho Di mẫu, nếu thực hành được thì cho người nữ xuất gia. Kia chép: “Đầu đội thọ trì” liền đắc giới. Chữ kim trở xuống là khi chê bai tức răn dạy khuyên gắng gổ.

Khoa kế, trong phần chánh nêu bày, đầu tiên chế lễ kính. Thứ hai, thứ ba cấm phạm thượng, còn lại là thứ năm nói phải nương dạy. Theo luật Ngũ Phần, Đại Ái Đạo nghe nói Bát Kính lại nhờ A-nan bạch lại với Thế tôn xin một điều là cho Tỳ-kheo-ni tùy lớn nhỏ mà lễ Tỳ-kheo mới thọ giới. Phật nói “Nếu cho nương theo thứ lớp tuổi hạ thì không có lý” do đó nói người nữ có năm điều chướng, v.v... Tôn trọng, v.v... là nói nghĩa kính. Không nên trái vì trái thì có phạm, trình bày chế giáo. Một, hai, bốn, sáu, bảy, tám đều tội đọa. Ba, năm thì tội Đột-cát-la.

Khoa kế các văn đều chỉ bày dị tướng. Luật Ngũ Phần nói tự tứ là ba vị Ni, một vị chánh, hai vị bạn. Trung A-hàm tám pháp trước sau đều đồng, chỉ có điều thứ năm nói là: “Không được hỏi Tỳ-kheo nghĩa kinh, luật, luận. Nếu cho thì được hỏi”. Tôn Sư là tên khác của kính. Luật Tăng-kỳ ban đầu dạy lễ kính. Không được trở xuống là kế cấm chê bai hủy phá. Luật Thập Tụng, Ngũ Phần chứng minh sự trái kính ở trên.

Trong tạp hạnh, văn đầu tiên Tăng-kỳ nói vì là bà con nên cho nói. Nếu cho quở trách thì trái kính pháp. Hai luật Tứ Phần và Ngũ Phần dạy Ni vào chùa, tức nhiếp kính ban đầu. Như trên nói tức là trong nói giới ở trước. Kế nói Thức-xoa.

Trong phần nêu văn chú giải, câu đầu dịch danh, câu kế chỉ bày thể đồng ngôi ở dưới. Chữ tiên trở xuống là nói thêm lý do thọ.

Trong giải thích, khoa đầu Tứ Phần chỉ bày chung hai ngôi, kế dẫn luận, luật nói riêng khai nhỏ, luật Thập Tụng nói ý chế pháp. Tâm cầu pháp, luyện thân nhờ thời gian, biết thân thanh tịnh thì sẽ dứt sự chê bai nghi kỵ. Tâm vững chắc mới có khả năng nhận đọa. Thích hợp căn cơ để lập giáo là ý ở đây.

Trong phần hai, y theo yết-ma trước đủ oai nghi dạy xin, kế lia Tăng tác pháp, ba gọi vào nói tướng, rộng như văn kia không cần dẫn lại.

Trong phần ba, khoa đầu ba pháp, sau hai pháp, tức vốn là chỗ làm, pháp thứ hai là sáu pháp, nay chỗ trao là y cứ thể tướng kia. Sa-di đủ phát, chỉ là lại dặn dò ý giữ hai lần luyện. Chữ văn trở xuống là chỉ bày tướng. Vì trong Luật trước là Tứ Phần tùy nói bốn pháp, như nói rằng: “Không được phạm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục, nếu Thức-xoa-ma-na-ni hành pháp dâm dục, thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là con gái giòng họ Thích (đây là căn bản, sau tức nay trao). Nếu cùng người nam có tâm nhiễm ô thân xúc chạm nhau là thiếu giới, nên thọ giới lại. Trong đây trọn đời không được phạm, có giữ được không?”. Còn ba pháp kia đều như vậy. Ăn phi thời và uống rượu,

đương thế là pháp không có bốn riêng.

Kế, văn đầu tiên bày ba, phạm khác nhau. Chữ nếu đủ trở xuống là riêng điểm học pháp.

Trong phần ba, văn đầu tiên trước dẫn văn tất cả chế học nói là đồng. Trừ trao đồ ăn là chỉ bày sự khác kia, hai câu này chung là một việc, nghĩa là tự lấy và trao cho người, không đồng với đại giới theo người nhận rồi lần lượt trao. Chữ nếu trở xuống là giải thích nghi, các sư xưa đem làm hai việc, nghĩa là khai tự lấy như Sơ dẫn. Ban đầu nói tự ăn chế nhận. Chữ vô trở xuống là y cứ người có không để nói mở đóng.

Khoa kế có mười tám pháp, đầu tiên là chỗ ngồi, ba món kế là đối ni đồng khác. Hai, là được tịnh, bất tịnh là ngủ riêng, v.v... dưới không như trên, Ni tịnh thì trên được thông dưới, vì kia bất tịnh. Ba, là đồng ngủ. Bốn, là trao đồ ăn. Năm, sáu đều chế đại Ni nói chỗ nghe kia. Bảy và tám là chúng pháp, bao nhiêu đều tự làm. Sau từ chín đến mười hai là phối riêng với bốn giới trọng sau. Phạm là cho hai năm học lại.

Hỏi: Sao không nói bốn pháp ba-la-di trước?

Đáp: Ở căn bản chế đây nói học hành hai pháp.

Hỏi: Phạm bốn Ba-la-di sau có chương giới hay chăng?

Đáp: Phạm thì học lại mà không diệt tận, cho nên biết chẳng chương.

Nghiệp Sơ chép: Bốn phép trước là hạn giới, bốn phép sau là cảnh nhánh. Bao nhiêu như kia là mười bốn không ăn phi thời, mười lăm không ăn lặt nhất, mười sáu không cầm tiền, mười bảy không uống rượu, mười tám không đeo tràng hoa.

Trong phần ba, Tứ Phần chế sáu pháp. Duyên hành mà viết chữ hình là lầm. Luật Thập Tụng chế hai năm, duyên khởi lỗi nghĩa là sinh con với lấy sự chê bai.

Thứ ba trong Sa-di-ni ban đầu chỉ cho pháp đồng. Chữ nếu trở xuống là nói về hạnh riêng. Nói chung ba chúng không riêng Sa-di, vì ba chúng ni không được đi riêng, phải chọn bạn. Ban đầu chế chọn bạn, chữ nhược trở xuống là kế cho đi kèm. Chữ dư trở xuống là thứ ba chế chẳng phải loại, tức hai chúng tăng ni và nam nữ thế tục, v.v...

Thiên Giải Thích-các Bộ.

Đề nêu các bộ là chỉ chung ngoại tông. Nếu y cứ trong thiên cũng dẫn luật Tứ Phần, chính là đối hiển vốn khác nhau. Biệt hạnh hai giải thích cũng đồng giải thích ở trước.

Khoa đầu trong phần bày ý, xưa nói rằng, là lời tương truyền của

bậc tiên hiền. Nghèo nghĩa là thấy nghe cạn ít, lời thật có chấp cho nên nói rằng: “thành nghiệm”, dẫn đây muốn nói người học không thể chuyên giữ một tông, quyết phải bao gồm các bộ ngoài.

Khoa kế, sự nghĩa là hành sự, như sáu tướng tự nhiên, tướng đủ số chúng, v.v... các loại. Pháp nghĩa là yết-ma, như trì y, thêm thuốc, kết chung tịnh địa, diệt tẩn, bạch tứ, v.v... kia đây dùng chung cho nên nói là mỗi mỗi.

Trong phần ba, bỏ gấp theo hườn. Như lấy trì y của luật Tăng-kỳ, dùng không y bát đặc giới của luận Tát-bà-đa v.v... xả có cầu không như thọ nhật dùng cầu cho của luật Tăng-kỳ, lấy mười bốn đêm của Thập Tụng, v.v... thì là bỏ có của luật Tứ Phần và vô của bốn bộ. Tổn cũng dạy bỏ, như bỏ phạm trọng đều là Ba-la-di của bốn tông mà dùng tái phạm Đột-cát-la của Thập Tụng. Lại như bỏ năm tiền phán tội trộm của luật Tứ Phần mà dùng luật Thập Tụng, luật Bát Thập. Lại như bỏ tâm nghị là tội nhẹ của Tứ Phần mà lấy nghi phạm tội nặng của Ngũ Phần. Kia đây xem nhau thì có phải quấy. Ba câu trên nêu riêng ba lỗi không ngoài gấp hườn, có không, nặng nhẹ. Mặc kể ngu ôm lấy bỏ là gồm ba chung món trên.

Chữ thử trở xuống là bày lỗi thất học. Mặc ý động hãm hình danh, nên nói rằng tự để hại, v.v... Mặc tội có thể hổ thẹn cho nên nói là mang hổ thẹn. Chữ đương trở xuống là chỉ bày pháp. Chỉ tựa Sao là môn thứ ba ý y cứ giáo xếp chỗ.

Trong phần bốn, toàn chùa dự pháp, tức mới vào đạo. Tùy vào bất cứ một bộ nào tức là mới thọ. Thuận văn, v.v... là khiến nương theo tông, cho nên nói thiền đây là không chỉ đối hiển khác nhau của bốn tông mà còn giúp tông kia nạp thể đó.

Trong phần năm, hai câu trên rộng chỉ chung các luật lại gồm các luận, điều lưu dài dòng thì rất dễ biết, còn nạn nói ngược kia không thể cùng tội. Hai câu dưới nói cốt yếu, tức bảy môn sau.

Trong phần nêu bày, thứ tư nói thọ nhật, tịnh địa. Thọ nhật thì Tứ Phần ba phẩm là hẹp, Thập Tụng ba mươi chín đêm, Tăng-kỳ việc xong là rộng. Hoặc có thể hai tông chỉ gồm hai pháp là hẹp, bốn tông ba ngôi là rộng. Tịnh địa thì Tứ Phần bỏ giáo là rộng, tông khác chế dứt là hẹp.

Trong phần giải thích, văn đầu tiên, luật Tăng-kỳ trước nói thọ giới. Hòa-thượng ở ngoài là do kia yết-ma chỗ nhắc lại đồng với chỗ làm. Kế nói về sám xả, đầu tiên nêu bày. Chữ dĩ trở xuống là giải thích lý do. Tự không đủ là vì tăng suy lường. Trả tiền tài được đủ là có chỗ

làm riêng. Đồng tự tứ, luật Tư Phần ở biên địa thọ giới hai lần bạch, tự tứ một lần bạch, là pháp năm người. Luật Tăng-kỳ lại thêm các Ni-tát-kỳ, chấp luận dùng người chỉ bạch gọi là pháp tự tứ, là vốn năm người, pháp đối hòa xả đọa là tướng từ năm người, do giới sư sám chủ là tăng đã lượng, tức chỗ vì người không phải Tăng dùng cho nên bao nhiêu như Nghiệp Số (xưa giải thích đồng tự tứ, loại này sai người năm đức thời không nhập vào số Tăng là sai).

Tư Phần trở xuống là bác bỏ xưa, đầu tiên nêu ra chấp kia. Bốn tăng không nói, nghĩa là không nói trừ. Trong luật bốn người chỉ trừ ba pháp: thọ giới, tự tứ, xuất tội. Chữ nếu trở xuống là thông hội thông giáo tức luật Tăng-kỳ. Trong thọ duyên khoa đầu năm tiết, bốn tiết trước nói không thầy chẳng phải thầy, một tiết nói người thọ phi pháp, hứa chung là đặc giới. Đây đều y cứ một thời kỳ tiếp độ dạy dỗ, cũng chẳng phải thường dạy. Tư Phần đều không khai là do ban đầu thọ một pháp, muôn hạnh căn bản, phải nhờ nhiều duyên mới thành tựu được, mỗi phần y cứ một đường cho nên chia làm hai chấp.

Khoa kế, luật Thập Tụng nam mặc nữ phục tức trong thọ duyên thiếu tướng xuất gia, nữ tướng trái trên tức không được. Luật Ngũ Phần phân biệt huỳnh môn mạnh khỏe, có người được, có người không được. Ngũ Bách Vấn đầu tiên nói thầy phi pháp, thì y cứ đệ tử biết hay không biết. Sau nói đệ tử trái nhau thì y cứ thầy hỏi hay không hỏi. Già Luận tặc trụ vốn phạm giới tức biên tội, hai loại này thuộc về người có mười ba nạn. Vốn không hòa tức là người tại gia, đều y cứ đệ tử biết hay không biết để nói được chẳng.

Trong phần ba, luật Thập Tụng trước nói dữ dục. Bốn chỗ tác pháp xen nhau lấy dục. Nếu vốn là Tư Phần thì là phá Tăng. Chữ nếu trở xuống là kế nói đủ số, nghĩa là một Tỳ-kheo có nhiều tăng dùng, như rừng cây đồng nêu tướng để chỉ bày, Già Luận đồng như trên. Tám người là bốn người thọ giới, ba người nói giới, một người thân gồm hai chỗ. Mười hai người nghĩa là hai chỗ thọ giới đều có bốn người một chỗ nói giới có ba người và một người dùng đủ ba chỗ. Mười lăm người nghĩa là hai chỗ thọ giới mỗi chỗ có bốn người, hai chỗ nói giới mỗi chỗ có ba người, một người có bốn chỗ. Mười tám người: Hai chỗ thọ giới mỗi chỗ bốn người, ba chỗ nói giới mỗi chỗ ba người, dùng một người đủ năm chỗ. Vả lại, nêu năm chỗ càng nhiều nên được.

Thứ tư, ban đầu dẫn văn phạm tội nặng tức biên tội. Ni ở biên giới và nạn y cứ lỗi nặng nhẹ cho nên được chẳng cả hai khác nhau.

Môn thứ hai, trong yết-ma, văn đầu tiên rộng, lược, khai, hợp đủ

như quyển thượng, Nghiệp Sở thêm tiểu chúng sám hối Thâu-lan-già, vì trung thượng có chín phẩm xen nhau thêm bớt đều xếp vào phi pháp. luật Tăng-kỳ, Thập Tụng, chế giảm chấp nhận tăng. Đơn bạch chung cho cả hai, bạch nhị chỉ một, tột đến bạch tứ không có chỗ chung. Luật Tăng-kỳ thêm chặng giữa có bốn món, cầu xin như pháp thọ nhật theo tăng xin. Trong Liễu luận hỏi ở chỗ hai người hỏi, xướng bạch một phần yết-ma, một phần chung làm một pháp, xướng sự hỏi nghe đều đầy đủ như sau sẽ dẫn. Thêm bạch yết-ma như nay đánh kiền-chùy bạch chúng các loại, thẳng vậy thưa biết cho nên bất luận cho hay không? Và ba pháp khác thì có năm.

Lại nói trở xuống là gồm phân biệt. Nghiệp Sở đã dẫn, lại gồm đơn bạch thì có ba pháp chung ba người làm không đồng với nay, cho nên Sở nói chung rằng y theo đây. Đơn bạch đã có hỏi cho, thế nào chẳng phải Tăng mà được bình ngữ. Đại đức tăng xin lắng nghe, là nói thuộc chỗ nào? Nay chung kia chỉ ba người hòa bạch, ban đầu thì sửa lời (sửa Đại đức tăng thành các Đại đức) còn bao nhiêu y cứ vẫn mà dùng, Luận chung ba người há không phải như vậy ư? (Văn đó đơn bạch chặng giữa có trình bày).

Trong chỗ che chở, luật Tứ Phần pháp không Tăng thêm, lại y cứ nêu luận sai người thọ sám, lệ cũng không cho phép. Cử là trái nghịch xúc nào sợ thành phá tăng riêng chúng. Can ngăn là thuận ý cho nên chung nhiều người. Luật Thập Tụng nói thọ giới cụ túc, nghĩa nên đồng với ở đây. Trong dữ dục, luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần không chấp nhận giới nhiều dục, luật Tứ Phần y cứ duyên không thể ép quá. Luật Thập Tụng nhiều chỗ lần lựa dữ dục rất phù hợp với bốn tông. Tăng ngồi tức người bình pháp chuyển mất dục, luật Tứ Phần, luận Tỳ-ni Mẫu khai mở cho.

Môn thứ ba, trong bốn tông do thể chẳng phải sắc cho nên được nặng thêm. Giới từ biệt phát cho nên có phạm nặng, văn chép rằng: “Tức văn kết bốn Ba-la-di của Giới bốn”. Giới Ni xúc chạm tức văn giới bốn, trong bộ kia do thể là sắc, phẩm thượng, trung, hạ một phen phát hằng định, không cho lại tăng cho nên không thọ lại, đã thọ không còn phạm cũng không cho thọ lại, tuy từ biệt phát mà căn bản đã hoại, không còn được tăng dùng. Ba điều nêu khác, sau dẫn bày các món đồng, không trọng cho nên sau phạm Đột-cát-la, đồng gọi là có trọng cho nên lại có ba lớp. Học hối, phạm tăng tàn có thể chứng minh không phải tội nặng, chỉ cuộc hạn bốn pháp Ba-la-di.

Môn thứ tư, luật Tứ Phần có ba phẩm: Bảy ngày, nửa tháng, một

tháng lần tăng như trên chỉ cho thiên an cư. Luật Tăng-kỳ trước chỉ bảy ngày, kể rõ việc xong. Ban đầu bày tên, chữ tất trở xuống là phân biệt duyên cho nên sau dẫn pháp. Ở Thiên-trúc mùa hạ phần nhiều là mưa cho nên nói rằng “Vũ an cư”, tức gọi đầu hạ là vũ thời. Luật Thập Tụng bảy ngày đồng với luật Tứ Phần, y cứ bảy là đồng, gồm đêm thì khác luật Tứ Phần ngày hết thì pháp tạ, tông kia đêm hết mới mất, mất pháp tuy có dài ngắn, hộ hạ đồng ở minh tướng. Ba mươi chín đêm các pháp là đồng, số ngày thì khác. Duyên nhắc lại nói rằng việc này tức là chỉ chỗ trụ xứ gốc, cũng đồng luật Tứ Phần lại đến trong đây.

Trong Tịnh địa, luật Thập Tụng ban đầu nói khai kết. Trong nội, nội là vào. Kế nói dời ra. Lê xương là các quý tộc cư sĩ, hoặc là ngoại đạo. Xương xa nói chuyển đan là đồ đựng thức ăn. Sau nói cấm đoán. Luật Tăng-kỳ cũng vậy, luật Tứ Phần và Ngũ Phần thì tùy cơ mà khai hay kết. Chữ nhân trở xuống là bác bỏ phi, xưa cho là đều chế dứt tất cả, đều làm thanh tịnh vật khác, như Sở phá đó.

Thứ năm, Tứ Phần chỉ trên tức hai tâm nghi, tưởng trong năm câu. Có thể học không khai, có thể học đều chia khinh giáng. Luật Ngũ Phần không nghi, dẫn rằng nghi nữ, hai thô xúc, chạm đồng đối sai phạm tăng tàn. Giết trùng hoại cỏ đối sau phạm Ba-dật-đề. Sau dẫn luật Tứ Phần so sánh nhau. Phá Tăng, dâm, uống rượu đều không khai nghi và tưởng. Chữ đối xuống đến chữ nghi là thọ giới biết thầy phạm giới, tuy thọ không đắc Chữ đối xuống đến chữ tri (hoặc y cứ thầy nghi người thọ tuổi không đủ). Luật Tăng-kỳ phương tiện có không mỗi thứ dẫn văn, y cứ vào văn sẽ hiểu. Trong phần kết không nêu vụn vặt, đến lời kia vài cở năm ba khác nhau.

Trong phần sáu, bốn tông, bộ khác xả sám khác nhau, nhưng nêu khác kia mà chỉ đồng kia. Tông này hai báu xả cho người thế tục, lụa tấm lần hư, xin bát vào bếp, chứa thuốc ba dụng, các y ngọa cụ đều trả lại chủ cũ, luật Thập Tụng hằng xả nghĩa là đem bỏ, phần nhiều giao cho tịnh nhân khiến xả, do phạm lỗi tiền tài không cho tự xả.

Trong văn dường như nhiều tịnh nhân nói hai chữ, luật Ngũ Phần ban đầu vào Tăng bỏ là tức thuộc vật của tăng, không bỏ do tăng, năm thứ có đủ: một, là lụa tấm. Hai, là lông đen. Ba, là lông trắng. Bốn, là dưới sáu năm. Năm, là không có tọa cụ lụa điệp. Ba là vào tục tăng, trước xả cho tăng, tăng cho tục.

Bao nhiêu đồng là thứ tư xin bát vào bếp. Năm là các y trả lại chủ đồng với Tứ Phần. Luật Tăng-kỳ bảo tạng gọi là vô tận tài. Dứt lợi làm y, không được phần là sợ kia được phần, nói là chiết phục, v.v....

Trong phần hai, năm ngọ cụ tức năm thứ đủ ở trên. Đầu tiên gồm bày kia, sau lựa riêng. Thuần đen là lông đen, Kiêu-sa-da tức lựa tầm (có khi đem làm một phi). Hưởng là cửa nẻo, sáu năm không đủ. Được đắp là hai vật nhỏ mịn trên chỉ được dùng món thô nên không cho đắp, không dính thân vì sợ hoại vật của tăng. Lông trắng tốt là như trước đồng lông đen, v.v... Bao nhiêu đồng ấy là các y, xin bát, chứa thuốc v.v..., ba món đồng với bốn tông. Luật Thiện Kiến vàng bạc là hai báu. Năm pháp là không ái, nhuế, bố, si, biết đáng ném hay không đáng ném.

Luận Minh Liễu có bảy đoạn: Đoạn đầu bảy giới, chuyển y tức hai lia. Y đời một tháng tức nguyệt vọng. Chữ thọ trở xuống là đoạn kế một giới, bốn ni không ấy hoặc chết, bỏ đạo, đi xa, v.v... Chữ sử trở xuống là đoạn ba hai giới. Chữ từng trở xuống là đoạn thứ tư ba giới, một hai cư sĩ tức khuyên thêm hai giới. Chữ quá trở xuống là đoạn thứ năm chín giới. Quá tức tức giới quá biết đủ. Ba, là ngược tức giới chớ nên kéo y, tất cả tọa cụ gồm chung năm đồ trái. Khiến thợ dệt, lại khuyên dệt chung. Đoạt y là thứ sáu. Bảy ngày là thứ bảy. Hai dụng tức cho tăng tục trở về trước hai mươi bốn giới. Mua bán hai báu, xin bát, gánh lông dê, nhuộm lông dê, đều như tùy tướng.

Đa Luận nói mua bán, đầu tiên nói nhập Tăng. Chữ nhược trở xuống là kế nói không nhập Phật có hai ý, trước là dứt phỉ báng. Cù-đàm, Hán dịch là “Địa tối thắng” nghĩa là bậc Tối thắng trong loài người, đây tức họ nhân địa của Như lai mà người vẫn gọi. Khi xưa Phật ở kiếp Sơ làm vị vua có vị thầy tu thiền là tiên Cù đàm, lúc tu đạo nhân lấy tên ấy làm họ.

Chữ hựu trở xuống là kế bày phước cao quý, bất luận đồng là nói biển tăng sâu rộng không đâu chẳng nhiếp. Không thọ pháp tức là không giới.

Trong phần bảy, tùy tướng sự nhiều lại nêu ra một điều đặc biệt khác đó. Ban đầu nói hành sám trái pháp khai hành. Chữ cánh trở xuống là kế khai không sám hối, mà liền được thanh tịnh. Ở đây có sáu hạng người: một và hai là sợ hoại lòng tin của chúng, vì là hộ pháp. Ba và bốn là thân tâm yếu hèn, vì dốt dẫn. Năm và sáu là hành pháp thiếu duyên, vì nạn mạng sống.

Tâm niệm sám hối liền lại thanh tịnh, sau không cần sám hối, nếu theo Tử Phần thì tất cả không thành. Chữ luật trở xuống là dẫn chú bày dạy dễ ngăn ngừa nương lạm luống dối ở sau.

Thứ ba là so sánh, văn chia làm ba: Trước nói năm tháng, v.v... là

nhớ thời gian. Lại nữa, đóng cửa là cỏ gai lan-nhã ở Chung Nam, đây là nhớ chỗ. Chữ dẫn trở xuống là bày gốc thuật tác. Tổ Sư giáng sinh vào đời Tùy, hoằng hóa ở đời Đường, Cao Tổ Thần Nghiêu Hoàng Đế nhận cung thiên vị nhà Tùy nên đổi hiệu là Đường Quốc, đổi niên hiệu là Vũ Đức năm thứ chín vào tháng sáu là lúc tuyệt bút. Vậy trước Thái Sử, Truyền Dịch Đẳng Trợ Đạo Tông đã vu báng họ Thích, tâu xin sa thải, Cao Tổ nương vào đó ở đây ôm ấp đạo, bậc thạc đức lẫn trốn ở hang núi, chỗ hoang vắng, Tổ Sư ẩn trong cỏ gai lan-nhã ở Chung Nam, ban đầu soạn bộ Sao này đến chín năm, Thái Tôn lại hưng khởi giáo pháp của ta tìm kiếm người có đức, Tổ Sư là con của Phụ Tướng, đạo đức danh tiếng đều đáng để chọn lựa, cho nên nói rằng “Nhĩ thời, v.v...” người đời khen đây là tiếng khen trong thế tục, không hề có thiếu tổn.

Nói đóng cửa là nói tránh nạn. Nương sở học là bày có chỗ nương. Chữ dẫn trở xuống hai câu là thuật bốn chí. Thẳng bút viết là không diễn nghĩa chương. San trừ dị luận, lìa các vụn vặt. Chữ bắt trở xuống hai câu là bày hiêm chê tổn hại. Thân rồng có hoa vân lẫn vẽ nghĩa là lời loài rồng thô rít, văn khắp khiêng què mùa thô xấu. Chữ tưởng trở xuống hai câu là dặn dò xét nét, có biết nghĩa là trí cao. Thông sĩ nghĩa là thấy xa, văn thường nhớ chữ nghi là truyền lầm.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký phân bốn của quyển hạ.

